TÒA ÁN NHÂN DÂN **HỆN CHỢ MỚI** TỈNH AN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 49/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 08/02/2023
"V/v Tranh chấp về hôn nhân gia đình ly hôn, tranh chấp về nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HỆN CHỢ MỚI, TỈNH AN GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa*: Ông Nguyễn Trung Kiên.

- *Các Hội thẩm nhân dân*:

1. Ông Đặng Văn Tâm.

2. Ông Trương Phước Công.

***Thư ký phiên tòa*:** Bà Võ Thị Thảo, Thư ký Tòa án nhân dân Hện Chợ Mới, tỉnh An Giang.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Hện Chợ Mới, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa*:** Ông Hồ Thanh Hiền – Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 02 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân Hện Chợ Mới, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 857/2022/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 10 năm 2022 về việc "tranh chấp về hôn nhân và gia đình ly hôn, tranh chấp về nuôi con".

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 643/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 21 tháng 12 năm 2022, Quyết định hoãn phiên tòa số 16/2023/QĐST-HNGĐ ngày 10 tháng 01 năm 2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Nguyễn Tấn L, sinh năm 1985; địa chỉ: số nhà 483, tổ 14, ấp AN, xã HA, Hện CM, tỉnh An Giang; có mặt.

- *Bị đơn:* Bà Trần Thị B, sinh năm 1984; địa chỉ: ấp AN, xã HA, Hện CM, tỉnh An Giang; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, tờ tự khai và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Nguyễn Tấn L trình bày, giữa ông L và bà Trần Thị B do mai mối nên tiến tới hôn nhân vào năm 2010, có đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 196, quyển số 01/2010, ngày 22/9/2010 do Ủy ban nhân dân xã HN cấp. Sau khi kết hôn, vợ chồng ông, bà sống tại gia đình của ông L tại địa chỉ ấp AN, xã HA, Hện CM, tỉnh An Giang. Chung sống đến tháng 3/2022, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, có nhiều bất đồng do ông L đi nhậu, nên

bà B cự cãi khiến cho cả hai mâu thuẫn ngày càng trầm trọng. Đến ngày 24/3/2022, bà B cự cãi và xảy ra mâu thuẫn, vì cho rằng ông L chửi bà B. Vì vậy, bà B đã cHển về nhà ngoại đến nay không về; cả hai cũng tự ly thân từ đó đến nay, hai vợ chồng không mong muốn quay lại chung sống, bản thân ông L cũng liên hệ điện thoại, nhưng bà B không liên lạc. Nhận thấy, mâu thuẫn vợ chồng đã quá trầm trọng, nên ông đề nghị ly hôn với bà Trần Thị B.

- Về con chung: ông Nguyễn Tấn L và bà Trần Thị B có 03 con chung Nguyễn Phương N, sinh ngày 25/6/2010; Nguyễn B T, sinh ngày 22/6/2015 và Nguyễn Phúc H, sinh ngày 31/8/2017. Hiện nay, các con chung đang sống cùng với ông L. Khi ly hôn, ông yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu bà Trần Thị B cấp dưỡng nuôi con. Hiện nay, tôi đang bán coffe và làm vườn nên ông có đủ điều kiện để chăm sóc, nuôi dưỡng con chung.

- Về tài sản chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Bị đơn bà Trần Thị B vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án, nên không ghi nhận được ý kiến.

Tại phiên tòa:

- Ông Nguyễn Tấn L vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, không cung cấp tài liệu, chứng cứ nào khác, chứng minh cho yêu cầu của mình.

- Bà Trần Thị B vắng mặt tại phiên tòa, nên Hội đồng xét xử thống nhất đưa vụ án ra xét xử theo quy định tại Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án trong giai đoạn chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã thực hiện đúng quy định tại các Điều 70, 71 và 234 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bị đơn bà B vắng mặt tại phiên tòa, nên Hội đồng xét xử đưa vụ án ra xét xử theo Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Tấn L với bà Trần Thị B;

- Về con chung: Giao con chung Nguyễn Phương N, sinh ngày 25/6/2010; Nguyễn B T, sinh ngày 22/6/2015 và Nguyễn Phúc H, sinh ngày 31/8/2017 cho ông Nguyễn Tấn L tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không đề cập xem xét, quyết định.

Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại Điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình, xem xét, quyết định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Ông Nguyễn Tấn L khởi kiện yêu cầu ly hôn với bà Trần Thị B, bà B cư trú trên địa bàn Hện Chợ Mới. Xét đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Hện Chợ Mới theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Về sự vắng mặt của đương sự: bà B đã được Tòa án cấp, tống đạt các văn bản tố tụng theo đúng quy định, nhưng bà B vắng mặt tại phiên tòa lần thứ 2 không có lý do . Do vậy, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự thống nhất, xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định pháp luật tố tụng.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Tấn L và bà Trần Thị B kết hôn do mai mối, nhưng có thời gian tự tìm hiểu, hôn nhân không bị ép buộc hoàn toàn tự nguyện, ông L và bà B có đăng ký kết hôn theo quy định tại Điều 8, 9 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

Trong giai đoạn chuẩn bị xét xử, cũng như tại phiên tòa ông L khẳng định không còn tình cảm với bà B, do cả hai đã tự sống ly thân từ tháng 03/2022 đến nay, nguyên nhân mâu thuẫn là do cả hai không tôn trọng nhau, bà B gây nợ nần đã bỏ nhà đi không liên lạc được, đến nay ông xác định không còn tình cảm, nên ông L yêu cầu ly hôn với bà B.

Xét thấy, tại phiên tòa ông L vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn, khẳng định không còn tình cảm với bà B; hôn nhân là trên cơ sở sự thấu hiểu nhau, gắn gũi chia sẻ giữa vợ và chồng, nhưng giữa ông L với bà B đã không còn sự chia sẻ, thường xuyên có những bất đồng, ông L cũng không còn tình cảm, nên việc xây dựng hạnh phúc gia đình không đạt được; ngoài ra Tòa án đã tống đạt các văn bản tố tụng cho bà B, nhưng bà B không có ý kiến về yêu cầu ly hôn của ông L, bà B đã từ bỏ quyền, nghĩa vụ tố tụng theo quy định pháp luật tố tụng dân sự. Do vậy, hôn nhân giữa ông L và bà B là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, nên Hội đồng xét xử thống nhất, chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông L đối với bà B theo quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và Gia đình.

[2.2] Về quan hệ con chung: Giữa ông Nguyễn Tấn L với bà Trần Thị B có 03 con chung tên Nguyễn Phương N, sinh ngày 25/6/2010; Nguyễn B T, sinh ngày 22/6/2015 và Nguyễn Phúc H, sinh ngày 31/8/2017, khi ly hôn ông L đề nghị nuôi con chung, không yêu cầu bà B phải cấp dưỡng nuôi con. Hiện con chung đang sống với ông L ổn định, phát triển tốt về thể chất, tinh thần, các con chung của ông L, bà B đều được đi học, trong giải đoạn chuẩn bị xét xử cán bộ Tòa án đã ghi nhận ý kiến của các con chung của ông L, bà B các cháu đều mong muốn được ở với ông L.

Xét thấy, để đảm bảo cuộc sống của con được phát triển tốt về thể chất, tinh thần cho các con chung là cháu N, T và H, khi ly hôn, việc ông L đề nghị tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc con chung là phù hợp với ý kiến của cháu các con chung. Mặt khác, bà B không có ý kiến về con chung trong giai đoạn chuẩn bị xét xử. Do đó, Hội đồng xét xử thống nhất để đảm bảo cuộc sống cho các con

chung, nên giao các cháu N, T và H cho ông L tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng, bà B không phải cấp dưỡng nuôi con do ông L không có yêu cầu.

[2.3] Về tài sản chung: Ông L xác định không có, nên không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết nên không đề cập giải quyết.

[2.4] Về nợ chung: Ông L xác định không có, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết, nên không đề cập giải quyết.

[2.5] Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Ông Nguyễn Tấn L phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Bà Trần Thị B không phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 5, khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 53, các Điều 56, 57, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các Điều 144, 147, 227, 271, 273, 280 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn ông Nguyễn Tấn L đối với bị đơn bà Trần Thị B;

1. Về quan hệ hôn nhân: ông Nguyễn Tấn L được ly hôn với bà Trần Thị B. Giấy chứng nhận kết hôn số 196, quyển số 01/2010 ngày 22 tháng 9 năm 2010 do Ủy ban nhân dân xã HN, Hện Chợ Mới, tỉnh An Giang cấp cho ông Nguyễn Tấn L và bà Trần Thị B, không còn giá trị pháp lý.

2. Về quan hệ con chung: ông Nguyễn Tấn L với bà Trần Thị B có 03 con chung tên Nguyễn Phương N, sinh ngày 25/6/2010; Nguyễn B T, sinh ngày 22/6/2015 và Nguyễn Phúc H, sinh ngày 31/8/2017.

Ông Nguyễn Tấn L được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng con chung tên Nguyễn Phương N, sinh ngày 25/6/2010; Nguyễn B T, sinh ngày 22/6/2015 và Nguyễn Phúc H, sinh ngày 31/8/2017. Bà Trần Thị B không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Ông Nguyễn Tấn L cùng các thành viên trong gia đình (nếu có) không được cản trở bà Trần Thị B trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

Vì lợi ích của con chung, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

3. Về quan hệ tài sản chung: Ông L không có yêu cầu, nên không đề cập xem xét, quyết định.

4. Về nợ chung: Ông L không có yêu cầu, nên không đề cập xem xét, quyết định.

5. Về án phí sơ thẩm: Ông Nguyễn Tấn L phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm 300.000 đồng *(ba trăm nghìn đồng)* nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng *(ba trăm nghìn đồng)* đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0012776 do Chi cục Thi hành án dân sự Hện Chợ Mới, tỉnh An Giang cấp ngày 26 tháng 10 năm 2022; ông Nguyễn Tấn L đã nộp đủ án phí.

Bà Trần Thị B không phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm.

6. Về quyền kháng cáo:

Trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án, ông Nguyễn Tấn L có mặt, có quyền kháng cáo để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm.

- Riêng bà Trần Thị B, có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày bản án được giao hoặc được niêm yết theo quy định pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án dân sự, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- VKSND Hện Chợ Mới (2);
- TAND tỉnh An Giang (1);
- Chi cục THADS Hện Chợ Mới (1);
- Ủy ban nhân dân xã HN, Hện Chợ Mới, tỉnh An Giang (1);
- Các đương sự (để thi hành) (2);
- Lưu hồ sơ (1);
- Lưu văn phòng (1).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Trung Kiên